TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH SƠN** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09 /2019/HNGĐ-ST
Ngày 15/5/2019
V/v Tranh chấp ly hôn, con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH SƠN - TỈNH PHÚ THỌ.

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Duyên Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đinh Thị Nguyệt.

2. Bà Nguyễn Thị Kim Trình.

Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Ngọc Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà: Bà Đỗ Thị Minh Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 252/2018/TLST-HNGD ngày 14 tháng 12 năm 2018: *Tranh chấp ly hôn, con chung* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2019; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Ngô Thị Ng**,Sinh năm 1989

Nơi ĐKNKTT: Xóm L Th , xã V M, huyện T S, Phú Thọ.

Chỗ ở hiện nay: Thôn C G, xã Y T, huyện H L, Lạng Sơn.

(Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Anh **Triệu Đức T**, Sinh năm 1988.

Nơi cư trú: Xóm L Th , xã V M, huyện T S, tỉnh Phú Thọ.

(Vắng mặt không có lý do).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông **Bùi Đức Dũng** – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Phú Thọ.

(Xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 10/12/2018, bản tự khai và quá trình giải quyết tại Tòa án, nguyên đơn - chị Ngô Thị Ng trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Ng kết hôn với anh Triệu Đức T ngày 13/9/2011 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Võ Miếu, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ, trước khi kết hôn được tự nguyện tìm hiểu không ai ép buộc. Vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2016 thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi cọ, nguyên nhân do không hợp nhau, không cùng quan điểm sống, hai vợ chồng chính thức sống ly thân từ thời gian đó đến nay không ai còn quan tâm đến nhau nữa. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị Ng đề nghị được ly hôn với anh T để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị Ng xác nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu Triệu Hoàng L, sinh ngày 05/6/2012 và cháu Triệu Hoàng A, sinh ngày 24/9/2014. Hiện nay đang ở với ông bà nội. Nay ly hôn nguyện vọng của chị Ng là xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng A, để anh T trực tiếp nuôi cháu Hoàng L, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung; về công nợ; công sức đóng góp: Chị Ng xác nhận anh chị không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các bản tự khai ngày 09/01/2019, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, bị đơn anh Triệu Đức T trình bày:

Anh xác nhận thời gian, điều kiện, nơi đăng ký kết hôn như chị Ng trình bày là đúng. Quá trình chung sống vợ chồng vẫn hòa thuận hạnh phúc thỉnh thoảng có xảy ra mâu thuẫn nhỏ. Đến năm 2016 chị Ng tự ý bỏ về nhà mẹ đẻ, vợ chồng sống ly thân từ thời gian đó đến nay không ai còn quan tâm đến nhau nữa. Chị Ng xin ly hôn anh đồng ý.

Về con chung: Anh T xác nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu Triệu Hoàng L – sinh ngày 05/6/2012 và cháu Triệu Hoàng A – sinh ngày 24/9/2014. Hiện nay các cháu đang ở với ông bà nội. Khi ly hôn anh xin được nuôi cả hai cháu và không yêu cầu chị Ng phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản chung, về công nợ, công sức đóng góp: Anh T xác nhận anh và chị Ng không có gì, nên không đề nghị tòa án xem xét giải quyết.

Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn - Ông Bùi Đức Dũng: Về quan hệ hôn nhân anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị HĐXX giải quyết cho ly hôn. Về con chung: Hiện nay anh T có đủ điều kiện nuôi con, hơn nữa từ ngày chị Ng bỏ đi các cháu ở với anh T và bố mẹ đẻ anh T, các cháu đã ổn định chỗ ăn ở nên đề nghị HĐXX xem xét cho anh T được

trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu, anh T không yêu cầu chị Ng phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Về tài sản chung, nợ chung: anh T và chị Ng không có nên không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát:

Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật, không có vi phạm gì. Các đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Tình cảm giữa chị Ng và anh T không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, thực tế hôn nhân không còn tồn tại nên đề nghị cho chị Ng được ly hôn anh T. Về con chung: Điều kiện nuôi con của chị Ng và anh T là như nhau nên giao cháu Triệu Hoàng A - SN: 24/9/2014 cho chị Ng được trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu thành niên và giao cháu Triệu Hoàng L - SN: 05/6/2012 cho anh T được trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu thành niên. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp: Chị Ng và anh T đều xác nhận không có nên không có yêu cầu gì. Về án phí: Chị Ng phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 14/12/2018 chị Ngô Thị Ng nộp đơn khởi kiện về việc ly hôn với anh Triệu Đức T. Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28; Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn chị Ngô Thị Ng có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Triệu Đức T được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị Ng và anh T theo quy định tại Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Ng và anh T kết hôn năm 2011, đăng ký kết hôn tại UBND xã Võ Miếu, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật tôn trọng và bảo vệ. Chị Ng và anh T đều xác nhận sau khi kết hôn anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc một thời gian, sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng

sống ly thân từ năm 2016 đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Nga kiên quyết xin ly hôn, phía anh T nhất trí ly hôn vì xác định tình cảm vợ chồng không còn. Hội đồng xét xử xét thấy rằng tình trạng hôn nhân của chị Ng và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung thực tế đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được do đó cần cần xử cho chị Ng được ly hôn anh T là phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị Ng và anh T có hai con chung là Triệu Hoàng L, sinh ngày 05/6/2012 và cháu Triệu Hoàng A, sinh ngày 24/9/2014. Hiện nay cháu đang ở với anh T và ông bà nội. Ly hôn nguyện vọng của chị Ng là xin được nuôi cháu Hoàng A và để anh T nuôi cháu Hoàng L, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung; nguyện vọng của anh T là được nuôi cả hai cháu, không yêu cầu chị Ng phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Hội đồng xét xử thấy nguyên vọng xin nuôi con của cả hai bên đều là chính đáng. Tuy nhiên xét về điều kiện nuôi con của chị Ng và anh T là như nhau nên để đảm bảo cho các cháu được chăm sóc, nuôi dưỡng đầy đủ nhất cả về thể chất và tinh thần cần giao cho mỗi người nuôi một cháu là phù hợp. Cháu Hoàng A còn nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ hơn vì vậy giao cháu Hoàng L cho anh T được trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Hoàng A cho chị Ng được trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu thành niên là phù hợp với Khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình. Mỗi người nuôi một cháu và không ai có yêu cầu nên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung, về công nợ, công sức đóng góp: Chị Ng và anh T đều xác định anh chị không có nên không đề nghị tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Ng phải nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật .

[6] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vàoKhoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 - Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228 - Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Ngô Thị Ng, cho chị Ngô Thị Ng được ly hôn anh Triệu Đức T.

2. Về con chung: Giao cho chị Ngô Thị Ng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Triệu Hoàng A, sinh ngày 24/9/2014 kể từ tháng 5/2019 đến khi cháu A thành niên.

Giao cho anh Triệu Đức T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Triệu Hoàng L, sinh ngày 5/6/2012 kể từ tháng 5/2019 đến khi cháu L thành niên.

Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn chị Ng và anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Ngô Thị Ng phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc Hôn nhân và gia đình. Xác nhận chị Ng đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số AA/2018/0001567 ngày 14/ 12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Sơn. Nay chuyển thành án phí.

"Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự."

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở UBND xã nơi các đương sự thường trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện;*
- *Cơ quan THADS huyện;*
- *UBND Võ Miếu;*
- *Lưu VT, Hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đã ký

Trần Thị Duyên Hòa